**ĐIỀU EM CẦN BIẾT**

**Bài 1 - RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB thông tin ngắn và đơn giản , hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB ; nhận biết được trình tự của các sự việc trong VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện ; nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : quý trọng bản thân và ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và biết đặt câu hỏi .

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB Rửa tay trước khi ăn .

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( vi trùng tiếp xúc , mắc bệnh , phòng bệnh ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Kiến thức đời sống

- Có sự hiểu biết về sự khác biệt giữa vi trùng và vi khuẩn . Vi trùng là sinh vật rất nhỏ , chỉ sống được trong tế bào sống , gây bệnh cho người và vật do thở, nuốt vào hay dột nhập vào lỗ hở trên da. Vi khuẩn là sinh vật đơn bào, rất nhỏ, có ở khắp nơi, sinh sản bằng cách phân bào. Bệnh do vi khuẩn lây nhiễm qua tiếp xúc, không khí, thực phẩm , nước và côn trùng

- Có hiểu biết về một số bệnh trẻ em hay mắc do vi trùng gây nên

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc phần mềm máy tính phù hợp , mây chiếu , màn hình , bảng thông minh .

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Vì sao các bạn phải rửa tay ?  b . Em thường rửa tay khi nào ?  . GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Rửa tay trước khi đi | HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  - Một số ( 2 – 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nểu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB .  HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS như vi trùng , xà phòng , phòng bệnh , vước sạch .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Tay cầm thức ăn , vi trùng tự tay theo thức ăn đi vào cơ thể để phòng bệnh , chúng ta phải rửa tay trước khi ăn , )  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành 2 đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến mắc bệnh ; đoạn 2 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt . GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài vi trùng : sinh vật rất nhỏ , có khả năng gây bệnh ; tiếp xúc : chạm vào nhau ( dùng cử chỉ mình hoạ ) ; mắc bệnh : bị một bệnh nào đó ; phòng bệnh ; ngăn ngừa để không bị bệnh ) .  + HS đọc đoạn theo nhóm . HS và GV đọc toàn VB ,  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | HS đọc câu  HS đọc đoạn  1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a . Vi trùng đi vào cơ thể con người bằng cách nào ?  b . Để phòng bệnh , chúng ta phải làm gì ?  c . Cẩn rửa tay như thế nào cho đúng ? .  GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời , Các nhóm khác nhận xét , đánh giá .  GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Vì trùng đi vào cơ thể con người qua thức ăn ; b . Để phòng bệnh , chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ăn ; C. Câu trả lời mở . ) Lưu ý : GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cần ) , | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh , minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3** | |
| GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí .  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS viết câu trả lời vào vở ( Để phòng bệnh , chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ăn ; ) . |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhỏ để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu .  GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả .  GV và HS thống nhất câu hoàn thiện . ( Ăn chỉnh , tổng sôi để phòng bệnh . )  GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở  GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhỏ để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dùng các từ ngữ đã gợi ý .  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh .  - HS và GV nhận xét . | HS quan sát tranh .  HS trình bày kết quả nói theo tranh . ( tranh 1 : nhúng nước , xát xa phòng lên hai bàn tay tranh 2 : chà xát các kẽ ngón tay , tranh 3 : rửa sạch tay dưới vòi hước , tranh 4 : lau khô tay bằng khăn ) |
| **7. Nghe viết** | |
| GV đọc to cả hai câu ( Để phòng bệnh , chúng ta phải rửa tay trước khi ăn . Cần rửa tay bằng xà phòng với nước sạch . )  - GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn văn .  + Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu có dấu chấm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : bệnh , trước , xả , nước , sạch , GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng cầu cho HS viết . Mỗi câu cần đọc theo từng cụm tử ( Để phòng bệnh chúng ta phải rửa tay trước khi ăn . / Cần rửa tay bằng xà phòng với nước sạch . ) . Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi |
| **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa** | |
| - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu . GV nêu nhiệm vụ .  - Yc một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) . | HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ phù hợp .    - Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần . |
| **9 , Trò chơi: Em làm bác sĩ** | |
| - Mục đích của trò chơi : Thông qua việc nhập vai bác sĩ và bệnh nhân , HS có cơ hội phát triển các kĩ năng ngôn ngữ và mở rộng hiểu biết về vần để giữ gìn vệ sinh , sức khoẻ .  - Cách thức : Lớp chia thành nhiều nhóm , mỗi nhóm khoảng 5 – 6 HS ( số nhóm tuỷ thuộc vào sĩ số của mỗi lớp ) . Mỗi nhóm cử 1 người làm bác sĩ , những bạn còn lại làm bệnh nhân , Hình dung tình huống diễn ra ở phòng khám . Bác sĩ khám , chẩn đoán bệnh , và đưa ra những lời khuyến phòng bệnh .  - GV có thể cho lớp biết trước những bệnh và nguyên nhân thường gặp ở trẻ em :  1. Đau bụng ( do ăn quá no , ăn uống không hợp vệ sinh )  2. Sâu răng ( do ăn nhiều kẹo , không đánh răng hoặc đánh răng không đúng cách )  3. Cảm , sốt ( do di ra nắng không đội mũ nón hoặc dầm mưa lâu bị lạnh ) Sau khi các nhóm thực hành , GV cho một số nhóm trình diễn trước cả lớp và cả lớp chọn ra nhóm xuất sắc . | HS tham gia trò chơi |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  GV tóm tắt lại những nội dung chính  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**Bài 2 . LỜI CHÀO**

**I.MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một bài thơ ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau , củng cố kiến thức về vần , thuộc lòng một số khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thời quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : ý thức tôn trọng mọi người trong giao tiếp , khả năng làm việc nhóm .

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn GV nắm được đặc điểm vần , nhịp và nội dung của bài thơ Lời chào . GV nắm được sự khác biệt về cách thức chào hỏi theo bối cảnh ( lớp học , ở nhà , ngoài xã hội , ... ) , theo đặc trưng xã hội của người chào và người được chảo ( tuổi tác , giới tỉnh , ... ) , theo vùng địa lí ( nông thôn , thành thị , miền Bắc , miền Nam , ... ) . - GV nắm được nghĩa của một số từ ngữ được dùng theo phương thức tu từ so sánh và ẩn dụ trong VB ( lời chào – bông hoa - cơn gió – bàn tay ) .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK dược phóng to hoặc phần mềm máy tính phủ hợp , máy chiếu , màn hini , bảng thông minh .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  - Khởi động  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi .  a . Haỉ người trong tranh đang làm gì ?  b . Em thường cho những ai ? Em chào như thế nào ?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời ( a . Họ gặp nhau , bắt tay nhau và nói lời chào nhau ; b . Câu trả lời mở ) , sau đó dẫn vào bài thơ lời chào . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toán bài thơ . Chú ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ .  HS đọc từng dòng thơ .  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1 ,  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc , ngất nghỉ đúng dòng thơ , nhịp thơ .  - HS đọc từng khổ thơ .  + GV hướng dẫn HS nhận biết khó thở ,  + Một số HS đọc nối tiếp từng khố , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( chân thành : rất thành thật , xuất phát từ đáy lòng ; cởi mở : dễ bảy tỏ suy nghĩ , tình cảm ) .  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm .  + Một số HS đọc khổ thơ , mỗi HS đọc một khổ thơ . Các bạn nhận xét , đánh giá , HS đọc cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ . | HS đọc từng dòng thơ  HS đọc từng khổ thơ  + 1- 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng củng vân với nhau ở cuối các dòng thơ , HS viết những tiếng tin được vào vở .  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả . GV và HS nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời ( nhà – xa , ngày - tay , hào – bao , trước - bước ) | HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng củng vân với nhau ở cuối các dòng thơ , HS viết những tiếng tin được vào vở |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a . Lời chào được so sánh với những gì ?  b . Em học được điều gì từ bài thơ thày ?  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét , đánh  - GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Lời chào được so sánh với bông hoa , cơn gió , bàn tay ; b . Đi đâu cũng cần nhớ chào hỏi , ) | - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi . |
| **5. Học thuộc lòng** | |
| - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu .  - Một HS đọc thành tiếng hại khổ thơ đầu .  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoả che dẫn một số tử ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoá / che hết . HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoái che dần . Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lỏng hai khổ thơ này . | HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoả che dẫn một số tử ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoả / che hết |
| **6 , Hát một bài hát về lời chào hỏi** | |
| Sử dụng dịp bài hát để cả lớp cùng hát theo . |  |
| **7. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chính .  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học , GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 3: KHI MẸ VẮNG NHÀ**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một câu chuyện đơn giản , có lời thoại ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện cấu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện , nghe viết một đoạn văn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi nội dung c VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : nghe lời cha mẹ , có ý thức bảo vệ an toàn cho bản thân ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi .

**II.CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB ( truyện ngụ ngôn , mượn chuyện loài vật để nói về việc dời , nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống ) ; nắm được nội dung của VB Khi mẹ vầng nhà , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB .

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( giả giọng , tíu tít ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Kiến thức đời sống

- Nắm vững những kĩ năng HS tiểu học cần có để tự bảo vệ bản thân khi ở nhà một mình , VD : không mở cửa cho người lạ , không với đồ vật trên cao , ... Vì sao phải phòng tránh ? Phòng tránh như thế nào ? ... )

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc phần mềm máy tính phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** | |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó ,  Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Em thấy những gì trong bức tranh ?  b . Theo em , bạn nhỏ nên làm gì ? Vì sao ?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dần vào bài đọc Khi mẹ vẫg nhà . | HS nhắc lại  + Một số { 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nêu câu trả lời của Các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB  HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ Có thể khó đối với HS .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Trong khu rừng nọ có một đàn dê con sống cùng hiện : Đợi dê mẹ đi xa , nó gõ chữa và giả giọng để triệu  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến nghe tiếng mẹ đoạn 2 : tiếp theo đến Sói đành bỏ đi ; đoạn 3 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt . GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài ( giả giọng : cố ý nói giống tiếng của người khác ; tíu tít : tả tiếng nói cười liên tiếp không ngớt ) .  + HS đọc đoạn theo nhóm .  HS và GV đọc toàn VB  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | HS đọc câu  HS đọc đoạn  + 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB , |
| **3 , Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a . Dê xe dặn dè con chỉ được mở cửa khi nào ?  b . Sói làm gì khi đê mẹ vừa đi xa  c. Nghe chuyện , dê mẹ đã nói gì với đàn con  GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá .  GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Để mẹ dặn đàn con chỉ được mở cửa khi nghe tiếng mẹ ; b . Khi dê mẹ vừa đi xa , sài gõ cửa và giả giọng dễ tiệ ; C. Nghe chuyện , dễ mẹ khen đàn con ngoan . ) | HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3** | |
| GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b ( có thể trình chiếu lên bằng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở . ( Khi dễ lệ vừa đi xa , sói gõ cửa và giả giọng dệ . )  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu ; đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS quan sát và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5.Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết cầu vào vở** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu , GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả , GV và HS thống nhất câu hoàn thiện . ( Khi ở nhà một mình , em không được mở cửa cho người lạ . )  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở .  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu |
| **6. Quan sát tranh và kế lại câu chuyện khi mẹ vầng nhà** | |
| - Lớp chia thành các nhóm , mỗi nhóm khoảng 5 – 6 HS . 1 HS đóng vai dê mẹ , số HS Còn lại đóng vai dê con . Các nhóm tập đóng vai kể lại câu chuyện .  - GV gọi 1- 2 nhóm đóng vai kể lại câu chuyện theo gợi ý : Các nhóm còn lại quan sát , nghe và nhận xét .  - Lớp bình bầu nhóm kể chuyện hay nhất . | Đóng vai kể lại câu chuyện theo gợi ý |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| GV đọc to cả hai câu . ( Lúc để tự vừa đi , sói đến gọi cửa . Đàn dê con biết sói giả giọng mẹ nên không mở cửa . )  GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu có dấu chim  + Chữ dễ viết sai chính tả : dê , sôi , giọng  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm từ “ Lúc đẻ mẹ vừa đi , / sói đến gọi cửa . / Đàn để con biết nói giả giọng ng nên không mở cửa . ) . Mỗi cụm tử đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS ra soát lỗi  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi . |
| **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa** | |
| GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu . GV nêu nhiệm vụ  Yêu cầu một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) . Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần . | HS làm việc nhóm đối để tìm những chữ phù hợp |
| **9. Quan sát tranh và đúng từ ngữ trong khung để nói theo tranh : Những gì em cần phải tự làm ? Những gì em không được tự ý làm ?** | |
| GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh ( những gì em cần phải tự làm , những gì không được tự ý làm ) , cỏ dùng các từ ngữ đã gợi ý .  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh .  Tranh 1 : Một bạn nhỏ đang tự tặc quần áo . ( Trẻ em 6 - 7 tuổi phải tự làm được ) : Tranh 2 : Bạn nhỏ đang đứng trên ghế và kiễng chân lấy một đồ vật trên tử bếp cao . ( Trẻ em 6 - 7 tuổi không được làm vì có thể ngã , nguy hiểm )  - HS và GV nhận xét .  - GV có thể gợi ý HS nói thêm về một số việc trẻ cần tự làm và một số việc trẻ em không được phép làm vi nguy hiểm | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh  HS trình bày kết quả nói theo tranh . |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chính  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học  GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**Bài 4 : NẾU KHÔNG MAY BỊ LẠC**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản , kể lại một trải nghiệm của người kể ở ngôi thứ ba , có dẫn trực tiếp lời nhân vật : hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB : quan sát , nhận biết được các chỉ tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đủng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện cấu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng câu đã hoàn thiện , nghe viết một đoạn ngắn

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : ý thức nghe lời cha mẹ , tình cảm gắn bó đối với gia đình ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi .

**II CHUÁN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự kể lại một trải nghiệm của người kể ở ngôi thứ ba ( tuy không phải là VB thông tin , nhưng các chi tiết trong VB có tính chân thực , gần gũi với đời sống hằng ngày của HS ) ; nắm được nội dung của VB Nếu không tay bị lạc , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB .

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB

2. Kiến thức đời sống

- GV nắm được những kĩ năng HS tiểu học cần có để bảo vệ bản thân khi ở nơi đông người như công viên , bến tàu hoặc khi bị lạc ( cần nhớ số điện thoại của bố mẹ , bình tĩnh ; nhớ thống nhất về điểm hẹn và tìm về điểm hẹn , nhờ sự giúp đỡ của nhân viên bảo vệ , công an ; không đi theo người lạ , ... ) .

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ cổ trong SGK được phóng to hoặc phần mềm máy tính phủ hợp , mây chiếu , màn hình , bảng thông minh .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đỏ  Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Bạn nhỏ đang ở đâu ? Vì sao bạn ấy khóc ?  b . Nếu gặp phải trường hợp như bạn nhỏ , em sẽ làm gì ?  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác .  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Nếu không may bị lạc . | HS nhắc lại  HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu toàn VB . GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới .  + HS làm việc nhóm đối để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc ( ngoảnh lại ) .  + GV đưa từ ngoảnh lại lên bảng và hướng dẫn HS đọc , GV đọc mẫu vần oanh và từ ngoảnh lại , HS đọc theo đồng thanh .  + Một số ( 2 - 3 HS đánh vần , đọc trơn , sau đó , cả lớp đọc tổng thanh một số lần , HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS ( ngoảnh , hoảng , suýt , hướng đường ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Sáng chủ nhật , bố cho Nam và em đi công viên ; Nam cử mải mê xe , hết chỗ này đến chỗ khác . )  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến lá cờ rất to ; đoạn 2 : phần còn lại ) + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài . ( đông như hội rất nhiều người ; mải mê : ở đây có nghĩa là tập trung cao vào việc xem đến mức không còn biết gì đến xung quanh , ngoảnh lại quay đầu nhìn về phía sau lưng mình ; suýt ( khóc ) : gần khóc ) .  + HS đọc đoạn theo nhóm , HS và GV đọc toàn VB  +1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB . + GV đọc lại cả VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | - HS đọc từng dòng thơ  - HS đọc từng khổ thơ |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a . Bố cho Nam và em đi chơi ở đâu ?  b . Khi vào cổng , bố dặn hai anh em Nam thể thao ?  c . Nhờ lời bố dặn , Nam đã làm gì ?  HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về câu trả lời cho từng câu hỏi . GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình , Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Bố Cho Nam và em đi chơi ở công viên ; b . Khi vào cổng , bố dặn hai anh em Nam nếu không may bị lạc thì nhở đi ra cổng có lá cờ ; t . Nhớ lời bố đặn , Nam đi theo hưởng tấm biển chỉ đường để đi ra cổng . ) | - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng cáu hỏi . |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3** | |
| GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở . ( Ba cho Nam và em đi chơi ở công viên . ) ,  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí , GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS quan sát ) và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết cấu vào vở** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phủ và hoàn thiện câu  GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả .  GV và HS thống nhất câu hoàn thiện , ( Uyên không hoảng hốt khi bị lạc )  GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở  GV kiểm tra và nhận xét bài của một số | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phủ và hoàn thiện câu |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung đế nói : Nếu chẳng may bị lạc , em sẽ làm gì ?** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dụng các từ ngữ đã gợi ý GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . HS và GV nhận xét  GV có thể gợi ý HS nói thêm về lí do không được đi theo người lạ , về cách nhận diện những người có thể tỉn tưởng , nhờ cậy khi bị lạc như Công an , nhân viên bảo vệ , ... để giúp HS củng cố các kĩ năng tự vệ khi bị lạc . | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dụng các từ ngữ đã gợi ý GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7 , Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả đoạn văn . ( Nam bị lạc khi đi chơi công viên Nhớ lời dặn , Nam tìm đến điển hẹn gặp lại bỏ và em . )  - GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết lủi đấu dòng . Viết hoa chữ cái đầu cầu và tên riêng của Nain , kết thúc câu có dấu chấm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : Công viên , lạc , điểm .  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách , Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ ( Nam bị lạc khi đi chơi công viên . Nhớ lời dặn , Nam tìm đến điểm hẹn gặp lại bố và em , ) . Mỗi cụm từ và câu ngắn đọc 2-3 lần , GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rả soát lỗi + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi .  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Nếu không may bị lạc từ ngữ có tiếng chửa vần im , iêm , ep , êp** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong loài hoặc ngoài bải    - HS nêu những từ ngữ tìm được , GV viết những từ ngữ này lên bảng . | - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ Có tiếng chứa các vần im , iên , ep , êp . |
| **9. Trò chơi Tìm đường về nhà** |  |
| GV giải thích nội dung trò chơi Tìm đường về nhà . Thỏ con bị lạc và đang tìm đường về nhà . Trong số ba ngôi nhà , chỉ có một ngôi nhà là nhà của thỏ . Để về được nhà của mình , thỏ con phải chọn đúng đường rẽ ở những nơi có ngã ba , ngã tư . Ở mỗi nơi như thế đều có thông tin hướng dẫn . Muốn biết được thông tin đó thì phải điển r/d hoặc gi vào chỗ trống . Đường về nhà thỏ sẽ đi qua những vị trí có từ ngữ chứa gi . Hãy điền chữ phù hợp vào chỗ trống để giúp thỏ tìm đường về nhà và tô màu cho ngôi nhà của thỏ .  GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả .  GV và HS thống nhất phương án phù hợp . | HS làm việc theo nhóm để tìm đường về nhà thỏ .  HS điển và nối các từ ngữ tạo thành đường về nhà của thỏ . |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yều cầu HS nhắc lại những nội dung đã học GV tóm tắt lại những nội dung chính -. GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 5 ĐÈN GIAO THÔNG**

**I MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB thông tin ngắn và đơn giản , hiểu và trả lời dùng các câu hỏi có liên quan đến thông tin trong VB ; hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản , gần gũi với HS ; quan sát , nhận biết được các chỉ tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện ; nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : ý thức tuân thủ luật giao thông , sự tự tin khi tham gia giao thông ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi .

**II CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin ( không có yếu tố hư cấu , có mục đích chính là cung cấp thông tin ) và nội dung của VB Đèn giao thông

- GV nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB ( ngã ba , ngã tư , điều khiển , tuân thủ ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Kiến thức đời sống GV có kiến thức cơ bản về giao thông và luật giao thông

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh .

**II HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| Ôn ; HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó  Khởi động  + GV yêu cầu HS quan sát tranh đèn giao thông và trả lời câu hỏi .  + Một số ( 2 - 3 ) HS nêu ý kiến . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc Có ý kiến khác ,  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dần vào bài đọc Đèn giao thông . | HS nhắc lại  HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu toàn VB .  HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó với HS ( phương tiện , điều khiển , lộn xộn , an toàn , ... )  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2 , GV hướng dẫn HS đọc những câu dài , ( VD : Ở các ngã ba , ngã tư đường phố thường có cây đèn ba màu : đỏ , vàng , xanh . Đèn đỏ báo hiệu người đi đường và các phương tiện giao thông phải dừng lại . / Đèn xanh bảo hiệu được phép di chuyển . )  - HS đọc đoạn .  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến rồi dừng hăn , đoạn 2 : tiếp theo đến nguy hiểm , đoạn 3 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt . GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài ( ngã ba : chỗ giao nhau của 3 con đường , ngã tư : chỗ giao nhau của 4 Con đường ; điều khiển : làm cho quá trình hoạt động diễn ra đúng quy tắc , tuân thủ : làm theo điều đã quy định )  + HS đọc đoạn theo nhóm , HS và GV đọc toàn VB .  +1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB .  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | - HS đọc câu  HS đọc đoạn  HS đọc đoạn theo nhóm . |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a . Đèn giao thông có thấy mẫu ?  b . Môi trưu của đèn giao thông báo hiệu điều gì ?  c . Nếu không có đèn giao thông thì việc đi lại ở các đường phố sẽ như thế nào ?  . GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình , Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Đèn giao thông có ba màu ; b , Đèn đó : người đi đường và các phương tiện giao thông phải dừng lại , đèn xanh : được phép di chuyển , đèn vàng phải di chuyển chăm lại rồi dừng hẳn ; c . Nếu không có đèn giao thông thì việc đi lại trên đường phố sẽ rất lộn xộn và nguy hiểm ) . | HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về tranh minh hoa và câu trả lời cho từng câu hỏi |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3** | |
| GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở ( Đển giao thông có ba màu . ) . Để HS không phải viết quá dài , GV có thể lược bớt các từ trong ngoặc đơn ( trên đường phố )  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu , đặt dấu chấm đúng vị trí .  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS quan sát ) và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết câu vào vở .** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu . GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất cầu hoàn thiện . ( Xe cộ cần phải dừng lại khi có đèn đỏ . ) . GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh** | |
| GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ dã gợi ý GV gọi một số HS trình bày kết quả nổi theo tranh , GV và HS nhận | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ dã gợi ý GV gọi một số HS trình bày kết quả nổi theo tranh |
| **7. Nghe viết** | |
| GV đọc to cả đoạn văn . ( Đèn đỏ bảo hiệu dừng lại , Đèn xanh bảo hiệu được phép di chuyển . Đèn vàng báo hiệu đi chậm rồi dừng hẳn . ) GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết lùi vào đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu có dấu chấm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : liệu , chuyển , ... GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách .  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm từ ( Đèn đỏ bảo hiệu dừng lại . Đèn xi như báo hiệu được phép di chuyển . / Đèn vàng bảo hiệu đi chặn rồi dừng hẳn ) . Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phủ hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi .  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi |
| **8. Chọn dấu thanh phù hợp thay cho chiếc lá** | |
| GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu .  - GV nêu nhiệm vụ . HS làm việc nhóm đối để tìm dấu thanh phù hợp . | - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) .  - Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần . |
| **9 , Trò chơi Nhận biết biển báo** | |
| - Mục tiêu : Rèn kĩ năng nói , nghe hiểu ; HS nhận biết và hiểu nội dung biển đảo ; HS bình tĩnh , tự tin , nhanh nhẹn .  - Chuẩn bị :  + GV chuẩn bị một số biển báo quen thuộc , gần gũi với HS , VD : biển đảo có bệnh viện , biến bảo khu dân cư , biển vạch sang đường dành cho người đi bộ , biển bảo điện giật nguy hiểm , ...  + Tranh về một số vị trí cắm các biển báo .  - Nội dung trò chơi và cách chơi :  + Mỗi đội 6 HS . Mỗi lượt chơi có 2 HS thực hiện như sau : 1 HS Tiải đặc điểm của biển báo và 1 HS dựa vào việc miêu tả của bạn để tìm được biển báo đỏ và cảm vào đúng vị trí quy định  + Quy định thời gian chơi .  + Đội nào tìm được nhiều biến bảo và cảm đúng vị trí phù hợp thì đội đẩy chiến thẳng . | HS nhận biết và hiểu nội dung biển đảo ; HS bình tĩnh , tự tin , nhanh nhẹn tham gia |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chính  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . GV giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một cuốn sách viết về những điều các em cần biết trong cuộc sống hằng ngày . GV cũng cần chủ động chuẩn bị một số sách viết về kĩ năng sống để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở rộng cho HS . | - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức , kĩ năng đã học trong bài Điều em cần biết thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học ; thực hành nói và viết sáng tạo về một vần đề thuộc chủ điểm Điều em cần biết .

- Bước đầu có khả năng khái quát hoả những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài

**II. CHUẨN BỊ**

Phương tiện dạy học : Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Tìm từ ngữ có tiếng chữa văn oanh, uyt,iêu,iêm** | |
| GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể đã học hoặc chưa học .  - GV nền chia các vần này thành 2 nhóm ( để tránh việc HS phải ỏn một lần nhiều văn ) và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần .  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để tìm lời khuyên phù hợp với mỗi bải mà HS đã học . GV có thể làm mẫu một trường hợp nếu thấy cần thiết , chẳng hạn , với bài Rửa tay trước khi ăn thì chọn lời khuyên cần phải rửa tay sạch trước khi ăn để phòng bệnh , Một số HS trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án lựa chọn đúng ( Lời chào – Nhở chào hỏi khi gặp gỡ ; Khi mẹ vắng nhà – Không mở cửa cho người lạ khi ở nhà một mình ; Nếu không may bị lạc - Khi đi chơi chỗ đông người , phải chú ý đề phòng bị lạc ; Đèn giao thông - Khi đi đường , cần phải tuân thủ sự điều khiển của đèn giao thông ) | - Nhóm vần thứ nhất :  + HS làm việc nhóm đói để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chửa các vần oanh , uyt .  + HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng .  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn trước lớp ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ . Cả lớp đọc đồng thanh một số lần .  - Nhóm vần thứ hai :  + HS làm việc nhóm đồi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần iêu , iêm .  + HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng .  + Một số ( 2 – 3 ) HS đánh vần , đọc trơn trước lớp ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ . Cả lớp đọc đồng thanh một số lần , 2. Tìm lời khuyên phù hợp với mỗi bài mà em đã học |
| **3. Chọn việc cần làm ở B phù hợp với tình huống ở A** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để tìm lời khuyên phù hợp với mỗi bài mà HS đã học .  - GV có thể làm mẫu một trường hợp nếu thấy cần thiết , chẳng hạn , tình huống Gặp ai đó lấn đấu và em muốn người đã biết về cu thì cần giới thiệu . Một số HS trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án lựa chọn đúng ( Được ai đó giúp đỡ - cảm ơn , Có lỗi với người khác xin lỗi , Muốn người khác cho phép làm điều gì đó – xin phép , khi bạn bè hoặc người thân có niềm vui - chúc mừng . | HS làm việc nhóm đôi để tìm lời khuyên phù hợp với mỗi bài mà HS đã học |
| **4. Kể với bạn về một tình huống em đã nói lời cảm ơn hoặc xin lỗi** | |
| GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi  - Một số ( 2 - 3 ) HS kể trước lớp , mỗi HS kể một trường hợp :  - GV nhắc lại một số trường hợp tiêu biểu mà HS đã để cập và có thể bổ sung thêm .  - GV nhận xét , đánh giá chung và khen ngợi những HS nêu được những tình huống tiêu biểu , có cách kế rõ ràng . Nói rõ các ưu điểm để HS củng học hỏi | HS làm việc nhóm đôi |
| **5. Viết một câu về điều em nên làm hoặc không nên làm** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi , thảo luận về điều HS nên làm hoặc không nên làm  - GV nhắc lại một số ý mà HS đã trình bày và có thể bổ sung thêm những điều HS cần làm hoặc không nên làm  - GV nhận xét một số bài , khen ngợi một số HS viết hay , sáng tạo . | - Từng HS tự viết 1 - 2 cầu về nội dung vừa thảo luận . Nội dung viết có thể dựa vào những gì mà các em đã nói trong nhóm đôi , kết hợp với nội dung mà GV và một số bạn đã trình bày trước lớp . |
| **6. Đọc mở rộng** | |
| Trong buổi học trước , GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một cuốn sách viết về những điều các em cần biết trong cuộc sống hằng ngày .  GV có thể chuẩn bị một số cuốn sách phù hợp ( có thể lấy từ tủ sách của lớp ) và cho HS đọc ngay tại lớp .  GV có thể nêu một số câu hỏi gợi ý cho HS trao đổi : Nhờ đâu em có được cuốn sách này ( mua , mượn , được tặng ... ) ? Cuốn sách này viết về cái gì ? Có gì thú vị hay dáng chú ý trong cuốn sách ...  Một số ( 3 - 4 ) HS nổi trước lớp . Một số HS khác nhận xét , đánh giá .  - GV nhận xét , đánh giá chung và khen ngợi những HS chia sẻ được những ý tưởng thủ vị . Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi . | HS làm việc nhóm đôi hoặc nhỏ 4. Các em nói với nhau về cuốn sách mình đã đọc , về điều các em học được |
| **7. Củng cố** | |
| GV tóm tắt lại nội dung chính ; nhận xét , khen ngợi , động viên HS . |  |

**LUYỆN TẬP .**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1. RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu :  + chúng em , cô giáo , dạy rửa tay , đúng cách  + luôn , nhớ , em , trước khi , rửa tay , ăn  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành cầu .  - GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Cô giáo dạy chúng em rửa tay đúng cách . / Em luôn nhớ rửa tay trước khi ăn . ) HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . | Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả . |
| **Bài 2. LỜI CHÀO** | |
| Dùng từ ngữ phù hợp ( vàng , nhỏ , chào , ông ) để hoàn thiện đoạn thơ và viết vào vở GV trình chiếu đoạn thơ ( có nhiều chỗ trống )  Gà con ..........xíu  Lông ............ dễ thương  Gặp .......... trên đường  Cháu ... ... ông ạ  và nêu nhiệm vụ . Một số HS lựa chọn các từ ngữ gợi ý ( vàng , nhỏ , chào , ông ) phù hợp với từng chỗ trống để hoàn thiện bài thơ  - GV trình chiều đoạn thơ đã hoàn chỉnh . Một số HS đọc thành tiếng cả đoạn thơ .  Gà con nhỏ xíu  Lông vàng dễ thương  Gặp ông trên đường  Cháu chào ông ạ . | HS lựa chọn các từ ngữ gợi ý ( vàng , nhỏ , chào , ông ) phù hợp với từng chỗ trống để hoàn thiện bài thơ  - HS viết đoạn thơ vào vở . |
| **Bài 3 , KHI MẸ VÀNG NHÀ** | |
| Viết lại các cầu cho đúng chính tả  - GV trình chiếu hai câu viết sai chính tả  + Hôm nay nam cùng bố mẹ về quê  + Mẹ dặn nam nhớ đóng cửa cẩn thận  - GV yêu cầu HS phát hiện lỗi chính tả  GV và HS thống nhất phương án đúng .  GV trình chiếu hai câu đã chỉnh sửa . Hôm nay Nam cùng bố mẹ về quê . / Mẹ dặn Nam nhớ đóng cửa cẩn thận . )  - Một số ( 2 - 3 HS đọc thành tiếng cả hai câu . | HS phát hiện lỗi chính tả ( không viết hoa tên riêng , không viết hoa đầu cầu , thiếu dấu chấm cuối câu ) . HS nêu các lỗi chính tả và cách sửa .  - HS viết vào vở |
| **Bài 4. NẾU KHÔNG MAY BỊ LẠC** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu :  + giáp , Nam , chú công an , tìm đường về nhà  + xe buýt , băng , đếnt , Hà , nhà bà nội  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng .  - HS viết vảo vở các cầu đã được sắp xếp đúng . | HS sắp xếp các từ ngữ  HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả ( Chú công an giúp Nam tìm đường về nhà , / Hà đến nhà hà nội bằng xe buýt . ) |
| **Bài 5. ĐÈN GIAO THÔNG** | |
| Viết một câu về điều em cần biết khi đi đường  - Đây là bài tập viết cậu sáng tạo , GV cần chú ý có sự hỗ trợ phù hợp để giúp HS làm được bài tập này . GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để tìm ý tưởng , GV có thể nêu cầu hỏi gợi ý : Theo em , khi đi đường , em cần lưu ý điều gì ? HS có thể dựa vào bài vừa học ( Đèn giao thông để tìm câu trả lời . Đó cũng có thể là lời khuyên dành cho bạn bè khi đi đường | - Một số ( 2 – 3 ) HS trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án phù hợp . ( Chẳng hạn , Khi đi đường , em cẩn tuân thủ sự điều khiển của đèn giao thông . Hoặc gọn hơn : Khi đi đường em cần tuân thủ đèn giao thông . )  HS viết vào vở các câu sáng tạo dựa vào kết quả làm việc nhóm hoặc có thể tham khảo ý kiến của các HS khác đã trình bày trước lớp hay của GV |